

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2022/KDTM- ST
Ngày: 13-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Ngọc Bích
2. Ông Đặng Quang Nhã

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4762/2022/QĐXXST-KDTM, ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5389/2022/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q

Địa chỉ: Số K đường ĐT, ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tuấn H, sinh năm 197X – Đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 27/4/2022).

Địa chỉ: Tổ S, khu phố B, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Công ty TNHH LT

Địa chỉ: Tầng P, tòa nhà I, số 4 đường N, phường L, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1965 – Là đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Số X đường V, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2022 và lời trình bày tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q – có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tuấn H trình bày:

Vào ngày 07/8/2018 Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q (sau đây gọi tắt là Công ty Q) và Công ty TNHH LT (sau đây gọi tắt là Công ty LT) ký Hợp đồng kinh tế số 2807/2018/HĐKT/QH-LT về việc mua bán vật liệu xây dựng có kèm theo tên hàng hóa, đơn giá cụ thể từng loại hàng hóa, địa điểm, thời gian giao và nhận hàng, phương thức thanh toán. Chốt công nợ vào ngày 15 và 30 hằng tháng là giao hàng có giá trị đến 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng), tùy theo điều kiện nào đến trước. Vào ngày cuối mỗi tháng khi Công ty Q xuất hóa đơn cho Công ty LT thì trong vòng 10 ngày phía bị đơn phải thanh toán hết 100% cho Công ty Q.

Công ty Q và Công ty LT mua bán với nhau tất cả 18 lần, Công ty LT đã nhận và thanh toán tiền đầy đủ một số lần. Nhưng còn 06 lần Công ty LT chưa thanh toán cho nguyên đơn cụ thể như sau:

- Lần 1: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 10, hai bên ký xác nhận ngày 11/01/2020, thì bị đơn còn nợ số tiền là: 82.376.000 đồng (Hóa đơn số 0000275 ngày 31/12/2019). Ngày 28/9/2020, bị đơn đã thanh toán 50.000.000 đồng (theo Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ngày 01/7/2022) còn nợ lại số tiền là: 32.376.000 đồng;

- Lần 2: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 11, bị đơn còn nợ số tiền là 48.262.500 đồng (Theo Hóa đơn số 0000314 ngày 21/01/2020);

- Lần 3: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 12, hai bên ký xác nhận ngày 10/03/2020, thì bị đơn còn nợ số tiền là: 2.880.000 đồng (Theo Hóa đơn số 0000331 ngày 28/02/2020);

- Lần 4: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 13, hai bên ký xác nhận ngày 15/02/2020 thì bị đơn còn nợ số tiền là: 66.647.500 đồng (Theo Hóa đơn số 0000313 ngày 21/01/2020);

- Lần 5: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 14, hai bên ký xác nhận ngày 10/03/2020, thì bị đơn còn nợ số tiền là: 9.405.000 đồng (Theo Hóa đơn số 0000327 ngày 27/02/2020);

- Lần 6: Theo bảng đề nghị thanh toán đợt 18, hai bên ký xác nhận ngày 10/03/2020, thì bị đơn còn nợ số tiền là: 37.770.000 đồng (Theo Hóa đơn số 0000334 ngày 29/02/2020).

Nay nguyên đơn - Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q xác định yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Yêu cầu bị đơn – Công ty TNHH LT trả cho Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q số tiền gốc còn thiếu theo Hợp đồng số 2807/2018/HĐKT/QH-LT ngày 07/8/2018 là 197.341.000 đồng.

Về phía bị đơn - Công ty TNHH LT: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia xét xử, nhưng đại diện phía bị đơn không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án nhân dân Quận M, Tp Hồ Chí Minh tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q có đơn khởi kiện Công ty TNHH LT tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/9/2022 đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét Đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q.

Bị đơn - Công ty TNHH LT đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty TNHH LT.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q về việc yêu cầu Công ty TNHH LT trả tiền gốc còn thiếu theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 2807/2018/HĐKT/QH-LT ngày 07/8/2018 là 197.341.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 2807/2018/HĐKT/QH-LT ngày 07/8/2018 cùng hồ sơ thanh toán giữa các bên là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Xét quá trình thực hiện Hợp đồng và theo các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, hồ sơ thanh toán và hóa đơn giá trị gia tăng thể hiện nguyên đơn có

giao hàng cho bị đơn, sau khi nguyên đơn giao hàng đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000275 ngày 31/12/2019 với số tiền 82.376.000 đồng. Ngày 28/9/2020, bị đơn đã thanh toán 50.000.000 đồng (theo Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn ngày 01/7/2022) còn nợ lại số tiền là: 32.376.000 đồng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000314 ngày 21/01/2020 với số tiền 48.262.500 đồng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000331 ngày 28/02/2020 với số tiền 2.880.000 đồng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000313 ngày 21/01/2020 với số tiền 66.647.500 đồng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000327 ngày 27/02/2020 với số tiền 9.405.000 đồng;

- Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000334 ngày 29/02/2020 với số tiền 37.770.000 đồng;

Tổng giá trị số tiền còn thiếu theo các hóa đơn là 197.341.000 đồng, trùng khớp với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán theo đơn khởi kiện.

Đồng thời, tại các bảng tổng giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán theo Hợp đồng ngày 11/01/2020, 15/02/2020, 10/3/2020, 15/02/2020, 10/3/2020, 10/3/2020 Công ty TNHH LT có đại diện ký tên và đóng dấu công ty xác nhận nợ gốc khớp với các tài liệu do nguyên đơn xuất trình.

Xét thấy, bị đơn - Công ty TNHH LT đã nhận hàng, đã xác nhận nợ gốc nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn - Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q đã xuất hóa đơn và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn thiếu theo Hợp đồng số 2807/2018/HĐKT/QH-LT ngày 07/8/2018 là 197.341.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55, Điều 56 của Luật Thương mại;
Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q:

Buộc Công ty TNHH LT trả cho Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q số tiền gốc còn thiếu theo Hợp đồng số 2807/2018/HĐKT/QH-LT ngày 07/8/2018 là 197.341.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH LT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH LT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 9.867.050 đồng (chín triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm năm mươi đồng);

Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 4.933.525 đồng (bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005818 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Q và Công ty TNHH LT có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận M;
- CCTHADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Nhàn